

An Giang, ngày 16 tháng 4 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 15/4 ở mức phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 30-45cm và cao hơn TBNN từ 05-10cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-40cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm, mực nước cao nhất ngày 15/4 ở mức phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 30-40cm và cao hơn TBNN từ 05-25cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 15/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 21cm, xuống 11cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh theo triều đến ngày 20-21/04.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 17/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	15/4		14/04						16/4	17/4	18/4	19/4	20/4
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	103	2	▲	-33	▼	9	▲	106	111	115	117	115
					Hmin	-43	10	▲	-32	▼	-33	▼	-36	-30	-28	-27	-30
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	108	2	▲	-37	▼	12	▲	110	115	119	121	119
					Hmin	-58	11	▲	-36	▼	-23	▼	-51	-45	-43	-42	-45
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	72	2	▲	-45	▼	-22	▼	73	75	77	78	79
					Hmin	-7	11	▲	-40	▼	-26	▼	-6	-5	-4	-3	-2
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	113	1	▲	-41	▼	13	▲	115	120	124	126	124
					Hmin	-51	11	▲	-40	▼	-35	▼	-44	-38	-36	-35	-38
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	124	3	▲	-40	▼	23	▲	128	133	137	139	137
					Hmin	-50	12	▲	-32	▼	-4	▼	-43	-37	-35	-34	-37
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	108	0	◀▶	-41	▼	9	▲	110	115	119	121	120
					Hmin	-56	8	▲	-36	▼	-29	▼	-49	-43	-41	-40	-43
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	8	1	▲	-30	▼	-18	▼	9	10	11	12	13
					Hmin	-18	1	▲	-29	▼	-20	▼	-17	-18	-17	-16	-15
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	-1	0	◀▶	-29	▼	-23	▼	0	1	2	3	4
					Hmin	-6	1	▲	-28	▼	-24	▼	-5	-6	-5	-4	-3
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	9	-1	▼	-27	▼	-31	▼	10	11	12	13	14
					Hmin	2	0	◀▶	-27	▼	-32	▼	3	2	3	4	5
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	8	-1	▼	-30	▼	-29	▼	9	10	11	12	13
					Hmin	4	0	◀▶	-27	▼	-27	▼	5	4	5	6	7
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	16	-2	▼	-29	▼	-26	▼	17	18	19	20	21
					Hmin	13	-1	▼	-24	▼	-22	▼	14	13	14	15	16
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	8	0	◀▶	-35	▼	-19	▼	9	10	11	12	13
					Hmin	-16	2	▲	-30	▼	-21	▼	-15	-14	-13	-12	-11
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	22	-2	▼	-35	▼	-7	▼	23	24	25	26	27
					Hmin	11	4	▲	-25	▼	-7	▼	12	13	14	15	16
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	16	-2	▼	-34	▼	-25	▼	17	18	19	20	21
					Hmin	11	1	▲	-25	▼	-18	▼	12	13	14	15	16
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	9	0	◀▶	-17	▼	-7	▼	10	11	12	13	14
					Hmin	0	3	▲	-15	▼	-8	▼	1	2	3	4	5
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	39	-3	▼	-38	▼	-6	▼	40	41	42	43	44
					Hmin	25	3	▲	-23	▼	-3	▼	26	27	28	29	30
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	62	0	◀▶	-43	▼	0	◀▶	63	64	65	66	67
					Hmin	16	4	▲	-31	▼	-13	▼	17	18	19	20	21
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	35	11	▲	-40	▼	-14	▼	36	37	38	39	40
					Hmin	10	4	▲	-30	▼	-17	▼	11	12	13	14	15
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	23	-2	▼	-38	▼	-26	▼	24	25	26	27	28
					Hmin	11	1	▲	-25	▼	-21	▼	12	13	14	15	16
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	10	-4	▼	-30	▼	-18	▼	11	12	13	14	15
					Hmin	0	1	▲	-24	▼	-9	▼	1	2	3	4	5

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	-3	-4	▼	-28	▼	-29	▼	-2	-1	0	1	2
					Hmin	-15	2	▲	-8	▼	8	▲	-16	-15	-14	-13	-12
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	21	-11	▼	-32	▼	-13	▼	24	28	33	40	48
					Hmin	-28	5	▲	7	▲	4	▲	-29	-31	-33	-35	-37

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





